

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D).

- Câu 1:** A. 昨天连他也没做作业就去了踢球。
B. 昨天连他作业也没做了就去踢球。
C. 昨天他作业也连没做就去踢球了。
D. 昨天他连作业也没做就去踢球了。

Chọn thanh điệu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

- Câu 2:** Phiên âm đúng của từ 传递 là: _____.
A. chuándí B. chuándì C. chuàndì D. chuàndí
- Câu 3:** Phiên âm đúng của từ 奋斗 là: _____.
A. fèndòu B. fēndòu C. fèndōu D. fēndōu
- Câu 4:** Phiên âm đúng của từ 专卖 là: _____.
A. zhuānmāi B. zhuǎnmāi C. zhuànmāi D. zhuānmǎi
- Câu 5:** Phiên âm đúng của từ 蔬菜 là: _____.
A. shùcài B. shùcǎi C. shūcǎi D. shūcài

Chọn thanh mẫu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

- Câu 6:** Phiên âm đúng của từ 觉察 là: jué _____.
A. c B. zh C. z D. ch
- Câu 7:** Phiên âm đúng của từ 提供 là: _____ ígōng.
A. t B. n C. l D. d
- Câu 8:** Phiên âm đúng của từ 似乎 là: sì _____ ū.
A. l B. h C. g D. k

Chọn vận mẫu và thanh điệu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

- Câu 9:** Phiên âm đúng của từ 规模 là: guīm _____.
A. óu B. uó C. ú D. ó
- Câu 10:** Phiên âm đúng của từ 结论 là: jiél _____.
A. uèng B. ùn C. ùn D. uàn
- Câu 11:** Phiên âm đúng của từ 健美 là: j _____ měi.
A. iēn B. ièn C. iàn D. iān

Từ 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

- Câu 12:** 参观故宫的A游客比B去长城的C多D。（一些）
- Câu 13:** A在农村生活的三个月留B 我们C不少D美好的回忆。（给）
- Câu 14:** 衣服A刚买回来B就C我不小心D给染上颜色了。（被）
- Câu 15:** A我B刚刚关上的窗户又C 大风D吹开了。（让）
- Câu 16:** 他A打算B去北京C学习的，可是临时有事，所以D改变了主意。（本来）
- Câu 17:** 我A宿舍没有这种地图，B好像C他们D 也没有。（那儿）
- Câu 18:** 我们A公司的生意B前几年C好了D很多。（比）

- Câu 19:** A他B三十五岁时C已经D是全国著名的语言学专家了。(就)
- Câu 20:** 他会A开车来B接你C去火车站D。(的)
- Câu 21:** A孩子们B看了C电视D。(两个小时)
- Câu 22:** A不管什么时候, B到了那儿你C要给家里D打个电话。(一定)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

- Câu 23:** 外面吵得不行, _____ 到了下半夜 _____ 能睡一会儿。
A. 只要.....就 B. 即使.....也 C. 只有.....才 D. 凡是.....都
- Câu 24:** 你把这药吃 _____, 一会儿肚子就不疼了。
A. 下去 B. 过去 C. 出去 D. 回去
- Câu 25:** 书架上的书有 _____。
A. 三、四十本 B. 三十本、四十本
C. 三十多、四十本 D. 三十、四十本
- Câu 26:** 等你有空的时候咱们出来 _____ 吧。
A. 见了面 B. 见面了 C. 见见面 D. 见面面
- Câu 27:** 我早就想写一 _____ 关于母亲的小说。
A. 部 B. 份 C. 笔 D. 张
- Câu 28:** 我用了好几天的时间 _____。
A. 才看完了这本小说 B. 看完才这本小说了
C. 看完了才这本小说 D. 才看这本小说完了
- Câu 29:** 她被电视剧的故事给吸引 _____ 了。
A. 去 B. 住 C. 过 D. 着
- Câu 30:** _____ 将来你做什么工作, 都要记住妈妈今天对你说的话。
A. 不是 B. 不管 C. 既然 D. 虽然
- Câu 31:** 这些年来, 农业生产量 _____ 来 _____ 高。
A. 一边.....一边 B. 不但.....而且 C. 又.....又 D. 越.....越
- Câu 32:** 我在那家商店买了两 _____ 衬衫。
A. 支 B. 双 C. 张 D. 件
- Câu 33:**
我们办公室的电话, 绝大多数 _____ 找小王的, _____ 找小李的, 因为他们俩联系的人最多。
A. 不是.....就是 B. 还是.....还是 C. 不是.....而是 D. 一旦.....就
- Câu 34:** 目前各种农业技术培训最 _____ 农民的欢迎。
A. 被 B. 给 C. 受 D. 由
- Câu 35:** 她 _____ 听到这个消息 _____ 高兴得跳了起来。
A. 既.....又 B. 一.....就 C. 再.....再 D. 也.....也
- Câu 36:** 桌子上放着几 _____ 刚拿回来的报纸。
A. 把 B. 页 C. 副 D. 份
- Câu 37:** 今年六月下旬, 这里要 _____ 一个工业展览会。
A. 开展 B. 进行 C. 举行 D. 成立
- Câu 38:** 我会把这些礼物送 _____ 他那儿的, 你放心好了。
A. 成 B. 在 C. 给 D. 到
- Câu 39:** _____ 没有他的帮助, 我 _____ 不会有今天的进步。
A. 因为.....所以 B. 虽然.....却 C. 如果.....就 D. 无论.....也
- Câu 40:** 据统计, 我国各级各类学校已有157万 _____。
A. 家 B. 所 C. 座 D. 户
- Câu 41:** _____ 哪种减肥方法, _____ 不应该以损害健康为代价。
A. 尽管.....也 B. 宁可.....也不 C. 只有.....才 D. 无论.....都

Câu 42: 在妈妈的帮助下, 他终于做出了 _____。

- A. 几个非常好吃的菜 B. 好吃菜几个的非常
C. 非常几个菜好吃的 D. 菜非常的几个好吃

Câu 43: 我认为, 无论谁, _____ 脑子相当聪明, _____ 要努力学习, 否则就会落后。

- A. 即使.....也 B. 不只.....还 C. 要是.....则 D. 因为.....所以

Câu 44:

你快来帮我看看电脑是不是又出了什么问题, 我给哥哥的电子邮件怎么发不 _____ 呢?

- A. 下来 B. 回去 C. 进来 D. 出去

Câu 45: 人生就像一 _____ 火车, 经过365天的旅行, 年关就到了一大站。

- A. 条 B. 排 C. 列 D. 串

Câu 46: 直到这两天我 _____ 发现, 他身上也有许多优点。

- A. 就 B. 再 C. 才 D. 却

Câu 47: 这是我们的计划, _____ 能不能实现, 就要看情况有没有变化。

- A. 至于 B. 至少 C. 至今 D. 甚至

Câu 48: 我哥哥 _____ 大学篮球队的队员, _____ 一个足球运动员。

- A. 不是.....而是 B. 不仅.....也 C. 不是.....就是 D. 除了.....还

Câu 49: _____ 他自己也没有多少钱, 但每个月还是给家里寄一些。

- A. 因为 B. 既然 C. 虽然 D. 如果

Câu 50: 他 _____ 学过法律, 分析问题就比别人透彻。

- A. 究竟 B. 毕竟 C. 终于 D. 竟

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 51: 这家鞋店很大, 什么样的鞋都有。

- A. 量词 B. 连词 C. 代词 D. 名词

Câu 52: 现在, 城市里过春节贴春联的已经不见了。

- A. 动词 B. 形容词 C. 助词 D. 介词

Câu 53: 他的高尚品德就在于热爱祖国。

- A. 助词 B. 副词 C. 连词 D. 动词

Câu 54: 不用再找借口了, 我是清楚的。

- A. 动词 B. 名词 C. 形容词 D. 代词

Câu 55: 他这么一说, 我也明白了个大概。

- A. 副词 B. 名词 C. 数词 D. 形容词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn, từ câu 56 đến câu 65.

医生给病人做手术, 总要先使用麻醉药。人们也许(56)_____麻醉药是近代医学的成就, (57)_____, 早在1700多年以前的东汉末年, 中国有位叫华佗的医生给病人做手术的时候, 就使用了麻醉药。

华佗年轻时很有志气, 一心想(58)_____个医生, 到很多地方学习医学。他在现在的安徽、山东、河南一带给人看病, 一干就是几十年, (59)_____他治好了的病人成千上万。人们一(60)_____起华佗的名字, 没有一个不知道的。华佗给病人做手术是使用麻醉药的。这种麻醉药的名字叫麻沸散。(61)_____有一次华佗看见一个人肚子疼得很厉害, 必须赶紧做手术。那个人同意了, 就喝了华佗的麻沸散。过了一会儿, 他就(62)_____喝多了酒一样睡着了。华佗给他切除了脾。做完手术, 那个人醒(63)_____就说: “现在好多了, 肚子不(64)_____疼了”。后来华佗又让他吃了几天药, 他的病就完全好了。

华佗的麻沸散里据说有六种中药。(65)_____随着医学事业的发展, 有了更好的麻醉药, 这个古老的麻沸散才渐渐地不大使用了。

Câu 56: A.	理解	B.	以为	C.	知道	D.	明白
Câu 57: A.	果实	B.	其实	C.	果然	D.	虽然
Câu 58: A.	当	B.	是	C.	干	D.	弄
Câu 59: A.	为	B.	把	C.	给	D.	被
Câu 60: A.	叫	B.	拿	C.	提	D.	带
Câu 61: A.	据说	B.	难道	C.	真的	D.	听说
Câu 62: A.	从	B.	向	C.	像	D.	在
Câu 63: A.	下去	B.	过去	C.	过来	D.	下来
Câu 64: A.	什么	B.	怎么	C.	哪儿	D.	什么样
Câu 65: A.	后来	B.	然后	C.	随后	D.	今后

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 66: 上述的情况是笔者亲眼见到的。

- A. 买笔的那个人 B. 有笔的那个人
C. 看文章的人 D. 写文章的作者本人

Câu 67: 他答应我说，如果我考上大学，就给我买电子计算机。

- A. 普通打字机 B. 电脑 C. 电影发放机 D. 自动计程机

Câu 68: 过去的事她已经忘得一干二净了。

- A. 一点不脏 B. 没有尘土 C. 一点不剩 D. 洁白整齐

Câu 69: 为了治好女儿的病，王大瑞四处奔走，求医问药。

- A. 到处 B. 四天 C. 东西南北 D. 四个地方

Câu 70: 我爷爷比我大六十多岁，他已经去世了。

- A. 母亲的弟弟 B. 父亲的父亲 C. 母亲的父亲 D. 父亲的哥哥

Câu 71: 回想起来，法国老房东是我终身难忘的朋友。

- A. 结婚 B. 到底 C. 全身 D. 一生

Câu 72: 我们做出的每一个决定都应该照顾到公司大多数人的想法。

- A. 考虑 B. 了解 C. 掌握 D. 照相

Câu 73: 人家学得会，难道我就学不会吗？

- A. 家庭 B. 人间 C. 别人 D. 你们

Câu 74: 这么难的文章我怎么能看得懂呢？

- A. 不知懂不懂 B. 看得懂 C. 看懂一些 D. 看不懂

Câu 75: 这种花儿，山上有的是。

- A. 有一些 B. 没有草 C. 只有花儿 D. 有很多

Câu 76: 他这几年拍了很多电影，有的还拿了大奖，现在他已经很红了！

- A. 富有 B. 有名 C. 努力 D. 高兴

Câu 77: 生产的发展大大改善了人民的生活。

- A. 进步 B. 变化 C. 提高 D. 形成

Câu 78: 随着学习的不断深入，学生们学到的汉语知识越来越丰富。

- A. 多 B. 大 C. 高 D. 够

Câu 79: 在医学科研中，她取得了一个个了不起的成绩。

- A. 微小 B. 严重 C. 一般 D. 突出

Câu 80: 有话好好儿说，别伤了和气。

- A. 失去了礼貌 B. 破坏了友情 C. 伤心 D. 破坏了气氛

----- HẾT -----